TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **266**/2020/HNGĐ - ST
Ngày 17-7-2020
V/v tranh chấp " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mai Văn Thắng
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ Văn Tú- Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quí- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1975;
Địa chỉ: ấp TB, xã Tb, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long.
Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: Ông Đặng Văn N, sinh năm 1976;
Địa chỉ: ấp TL, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre.
Ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2012 bà với ông Đặng Văn N được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/02/2012. Việc kết hôn và đăng ký kết hôn là do các bên tự nguyện. Bà và ông N có 01 con chung tên Đặng Nguyễn QA, sinh ngày 06/4/20XX, hiện con chung đang sống chung với bà. Thời gian đầu sống chung bà và ông N rất hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thua lỗ, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chung sống không hạnh phúc. Từ khoảng năm 2018 bà và ông N không còn sống chung, không còn quan tâm đến nhau, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, lo cho con học hành cũng

như các khoản nợ đều do bà tự xoay sở. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng dành cho ông N không còn, không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Văn N. Bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho bà khi ly hôn.

- Về con chung: Đặng Nguyễn QA, sinh ngày 06/4/20XX, hiện nay đang sống chung với bà, khi bà và ông N không còn sống chung thì một mình bà nuôi con cho đến nay, cháu QA được bà nuôi dạy tốt, ông N không có về thăm con lần nào. Do đó, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: bà với ông N sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Văn N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình thự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn ông Đặng Văn N chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của bà T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; xét thấy: tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Ông Đặng Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 16/4 ấp Thạnh Lợi, xã Bình Thạnh, huyện P, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt cho ông Đặng Văn N các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông N đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[4] Về hôn nhân: Vào năm 2012, bà T và ông N tự nguyện chung sống với nhau, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/02/2012. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của bà T và ông N là phù hợp với qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T, nguyên nhân bà yêu cầu ly hôn với ông N là do bà và ông N bất đồng quan điểm, nhiều lần phát sinh mâu thuẫn nên không còn sống chung khoảng hơn 02 năm nay, cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định của Tòa án nhằm tạo điều kiện để bà T và ông N hòa giải với nhau nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông N đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bà T không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: từ khi bà T và ông N không còn sống chung cho đến nay thì bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Nguyễn QA, sinh ngày 06/4/20XX, ông N không đến thăm con chung. Lẽ đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần giao cháu Đặng Nguyễn QA, sinh ngày 06/4/20XX cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu QA khi được Tòa án hỏi ý kiến. Do bà T không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Ông Đặng Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết ông Đặng Văn N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, bà Nguyễn Thị Ngọc T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu không giải quyết, ông N không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết nếu sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[7] Về nợ chung: bà T trình bày không có, ông N không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T. Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Đặng Văn N. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Nguyễn QA, sinh ngày 06/4/20CC. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đặng Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết ông Đặng Văn N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, bà Nguyễn Thị Ngọc T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu không giải quyết, ông N không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết nếu sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà T trình bày không có, ông N không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009464 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã TB,
huyện VL, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Vinh– Nguyễn Văn Chót	**Trần Thị Vân**

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân phieân toaø

Thaåm phaùn – Chuû toaï